

Bản án số: 54/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 07-9-2024
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lại

2. Ông Giáp Huy Tường

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Việt Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 181/2024/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2024 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995 – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

HKTT: Thôn C, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

Nơi ở hiện nay: Thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đào Văn M – vắng mặt, có đơn xin vắng mặt

Địa chỉ: Thôn H, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết anh Đào Văn M trên cơ sở tự nguyện, có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn, đăng ký kết hôn tại UBND xã M ngày 14/5/2014. Có được tổ chức cưới theo phong tục tập quán ngày 24/5/2014 (dương lịch). Sau khi cưới chị về nhà chồng làm dâu ngay và ở chung với gia đình anh M, một thời gian sau thì ở riêng, trước khi ly thân vợ chồng sống chung với bà nội của chồng (bà Nguyễn Thị H – sinh năm 1940), vợ chồng

ở riêng trên nhà đất của vợ chồng (đất bố mẹ chồng cho, nhà vợ chồng tự xây năm 2016), thời gian chung sống hạnh phúc được 10 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh M chơi bời (chơi đánh bạc trên mạng) dẫn đến mất rất nhiều tiền, vợ chồng đã nhiều lần xảy ra cãi vã, chị đã nhiều lần tha thứ cho anh M, nhiều lần phải trả nợ cho anh M, nhưng anh M không thay đổi, anh M vẫn đánh bạc nên không chăm lo được kinh tế gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay, từ khi ly thân chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn T, xã D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang sinh sống. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ anh M có nhắn tin xin lỗi để vợ chồng hòa giải đoàn tụ, tuy nhiên chị đã mất niềm tin vào anh M, nên chị không trở về đoàn tụ. Đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh M.

*** Về con chung:** Vợ chồng có 02 con chung là Đào Thị Hà M1 sinh ngày 23/12/2014 và Đào Quang T1 sinh ngày 26/11/2018. Hiện nay cả hai con chung đang ở cùng anh M, do từ khi chị ly thân anh M không cho chị đón con đi cùng, dù vậy hàng tuần chị vẫn đón con về nhà bà ngoại chơi, mua đồ dùng, đóng tiền học cho con. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giải quyết để chị nuôi cả hai con chung, do anh M ham chơi, nợ nhiều tiền không có khả năng nuôi con. Hiện chị đang làm công nhân tại khu công nghiệp V, thu nhập từ 11.000.000 đồng đến 14.000.000 đồng. Hiện chị chưa có nhà đất riêng, chị ở cùng bố mẹ đẻ (bố mẹ chị có 03 người con thì có chị đã lập gia đình, em trai đang học cấp 3, em gái đang du học tại Nhật Bản). Chị xác định anh M là lao động tự do, thu nhập chính từ đi việc đi giao “quả Dừa nước” cho anh trai anh M, thu nhập hàng tháng thì chị không rõ, do chưa bao giờ anh M đưa tiền cho chị.

*** Về tài sản, công sức, công nợ, ruộng canh tác:** Vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn anh Đào Văn M trình bày: Về quan hệ hôn nhân: anh và chị T kết hôn ngày 14/5/2014, trước khi cưới vợ chồng có thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã M, sau khi cưới chị T về nhà anh làm dâu ngay, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vì cuộc sống mưu sinh khó khăn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2024, chị T xin ly hôn anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là Đào Thị Hà M1 sinh ngày 23/12/2014 và Đào Quang T1 sinh ngày 26/11/2018, hiện cả hai con chung đang ở cùng anh. Ly hôn anh đề nghị được nuôi cả hai con chung. Anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng canh tác: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương: Ban lãnh đạo thôn C cung cấp: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn M kết hôn với nhau và chung sống tại thôn C, xã M. Chị T, anh M chung sống cùng với bà nội của anh M, không sống chung với bố mẹ anh M. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, địa phương chỉ nắm được vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không báo cáo chính quyền địa phương và cũng

không yêu cầu hòa giải. Hiện chị T không sinh sống cùng anh M nữa, đã bỏ đi khoảng 02 tháng (trước đây vợ chồng đã từng xảy ra mâu thuẫn và chị T cũng bỏ về nhà mẹ đẻ ở sau đó vợ chồng lại đoàn tụ). Từ khi chị T bỏ đi thì 02 con chung của vợ chồng vẫn do anh M nuôi dưỡng, anh M hiện vẫn sống chung cùng bà nội và 02 con, có nhà đất riêng, anh mạnh làm nghề bốc vác và bán hoa quả. Chị T làm công nhân, chị T và anh M đều có khả năng nuôi con.

Tại phiên tòa vắng mặt các đương sự, Hội đồng xét xử đã công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Việt Yên phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật trong suốt quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án là đúng quy định của pháp luật. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và giao văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX Áp dụng các Điều 56; 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238 BLTTDS;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn M

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Thị Hà M1 sinh ngày 23/12/2014, anh Đào Văn M trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đào Quang T1 sinh ngày 26/11/2018. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị T, anh M được quyền thăm nom con chung theo quy định.

Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Anh Đào Văn M có hộ khẩu thường trú tại thôn C, xã M, thị xã V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang là Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa chị T, anh M vắng mặt nhưng anh, chị đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị T, anh M theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn M đăng ký kết hôn vào ngày 14/5/2014 tại UBND xã M, huyện V (nay là thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Chị Nguyễn Thị T cũng đã cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn (bản chính). Như vậy hôn nhân của chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn M là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh M đồng ý ly hôn. Do vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T, anh M đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn M.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Đào Văn M có 02 con chung là Đào Thị Hà M1 sinh ngày 23/12/2014 và Đào Quang T1 sinh ngày 26/11/2018. Hiện cả 02 con chung đều đang ở với anh M. Ly hôn cả chị T và anh M đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị T và anh M đều có nguyện vọng được nuôi con và đều có đủ điều kiện để nuôi con. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án có lấy lời khai của cháu Đào Thị Hà M1, cháu M1 thể hiện nguyện vọng được ở với chị T sau khi bố mẹ ly hôn, hơn nữa cháu M1 là con gái đang ở tuổi dậy thì, cháu cần sự chỉ bảo, chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, do vậy cần giao cháu M1 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu T1 cho anh M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T, anh M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, ruộng đất chung, công sức: đương sự không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét..

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 1 Điều 238; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Đào Văn M.

2. Con chung: Giao cháu Đào Thị Hà M1 sinh ngày 23/12/2014 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Đào Quang T1 sinh ngày 26/11/2018 cho anh Đào Văn M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T, anh M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T, anh M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0001261 ngày 22/7/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Báo cho đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- UBND xã Minh Đức (ĐKKH số 56 ngày 14/5/2014).
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Tuyết